

## GIAO THOA VĂN HÓA GIỮA CÁC TỘC NGƯỜI TÀY, NÙNG, KINH Ở BẮC KẠN

Lương Thị Hạnh\*

*Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên*

### TÓM TẮT

Sự cộng cư, sự giao thoa văn hóa giữa người Tày với người Nùng và người Kinh ở Bắc Kạn là một sự thực lịch sử. Quá trình tiếp xúc này ít ra cũng đã diễn ra hàng ngàn năm nay. Trong cuộc giao tiếp này, hai bên đã có những ảnh hưởng qua lại lẫn nhau. Lịch sử văn minh nhân loại nói lên rằng các cuộc giao lưu văn hóa bao giờ cũng diễn ra nhiều chiều. Không có dân tộc nào chỉ có cho mà không có nhận trong vấn đề phát triển văn hóa cả. Song, xét về mặt dân tộc học, dù có ảnh hưởng về nhân chủng, văn hoá của người Việt, người Hoa và các tộc người khác đi chăng nữa thì bản sắc Tày vẫn là yếu tố quán xuyên. Văn hoá Tày vẫn là một thành phần quan trọng tạo nên những đặc trưng văn hoá riêng của dân tộc Tày.

**Từ khóa:** *Giao thoa văn hoá, bản sắc văn hóa, đồng hoá văn hoá, văn hoá dân gian, lịch sử, dân tộc, khu vực cư trú...*

Như chúng ta đều biết, các dân tộc trên thế giới không sống biệt lập mà trong mối quan hệ qua lại nhiều chiều với nhau. Cùng với sự phát triển của lịch sử, mối quan hệ giữa các dân tộc ngày càng trở nên phong phú, đa dạng. Trên cơ sở nhận thức các dân tộc không sống biệt lập, văn hóa dân tộc bao giờ cũng mang tính chất mở, một dân tộc mà không có giao lưu văn hóa thì sẽ khô cứng, tàn lụi và sẽ biến mất khỏi vũ đài lịch sử. Ngày nay, với cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, công nghệ; với sự bùng nổ của hệ thống thông tin đại chúng, của tin học... thì sự giao thoa văn hóa giữa các dân tộc là nhu cầu cấp thiết. Vì vậy, nhiệm vụ đặt ra là phải làm sao cho các dân tộc (Tày, Nùng, Kinh) một mặt vừa gìn giữ được bản sắc văn hóa, vừa biết tiếp thu một cách có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại làm phong phú thêm vốn văn hóa tộc người.

Bắc Kạn là địa bàn sinh sống của các dân tộc: Tày, Kinh, Nùng, Dao, Hoa, Mông và Sán Chay. Trong đó người Tày có số dân đông nhất (149.459 người = 54,44%); tiếp đến là dân tộc Kinh (36.587 người = 13,2%); dân tộc Nùng (26.066 người = 9,47%) dân số toàn tỉnh (theo điều tra dân số năm 1999)[04, tr. 45, 245, 278].

Sự đa dạng về thành phần dân tộc đã tạo nên sắc thái văn hóa địa phương đa dạng và phong phú. Từ nhiều năm qua, trong khi một số khía cạnh văn hóa của người Tày ở vùng Đông Bắc nói chung, tỉnh Bắc Kạn nói riêng đã được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu khá kỹ lưỡng, thì bên cạnh đó vẫn còn có những thành tố văn hóa của tộc người Tày ở tỉnh Bắc Kạn chưa được nhận diện đầy đủ và chưa có nghiên cứu chuyên sâu nào. Một trong những thành tố văn hóa lý thú, hấp dẫn đó chính là sự giao thoa văn hóa giữa các dân tộc trong tỉnh. Trong khuôn khổ của một bài viết, tác giả trình bày một số đặc điểm về sự giao thoa giữa văn hóa các tộc người Tày, Nùng, Kinh ở tỉnh Bắc Kạn.

Với số dân chiếm ưu thế hơn hẳn, nên ở Bắc Kạn, bên cạnh tiếng Kinh, tiếng của dân tộc đa số trong cả nước, bên cạnh chữ Quốc ngữ phổ thông còn có ngôn ngữ thứ hai quan trọng dùng làm công cụ giao tiếp trong vùng, đó là tiếng Tày, cố nhiên có vùng thay vào đó là tiếng Nùng. Về phương diện văn hóa, bên cạnh văn hóa của người Kinh đa số thì văn hóa Tày cũng đóng vai trò chủ đạo trong sự phát triển văn hóa các dân tộc trong vùng. Mô hình phát triển văn hóa ở đây trên đại thể là song ngữ hoặc đa ngữ (tiếng mẹ đẻ, tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia và tiếng dân tộc đông người nhất vùng) và song văn hóa hoặc đa văn hóa.

\* Tel: 0914 892 999, Email: hanhluongthi4@gmail.com

### **Sự giao thoa văn hóa giữa người Tày với người Nùng**

Tày và Nùng là hai dân tộc có chung nguồn gốc lịch sử trong nhóm ngôn ngữ Tày – Thái, lại cùng cư trú trong điều kiện tự nhiên và xã hội gần giống nhau nên từ rất sớm, người Tày và người Nùng đã sớm có mối quan hệ khăng khít, trước hết là mối quan hệ về địa vực cư trú.

Bản làng của người Tày và người Nùng cùng xen kẽ nhau trong các thung lũng, số bản đơn dân tộc Tày hay Nùng tuy vẫn còn tồn tại nhưng đa số là các bản cộng cư giữa người Tày và người Nùng. Nói cách khác, ở đâu có người Tày thì ở đó có người Nùng và ngược lại. Do quá trình sống xen kẽ nên văn hoá của người Tày và người Nùng có nhiều nét gần gũi, tương đồng: Từ phương thức canh tác, công cụ, kinh nghiệm sản xuất đến tri thức tộc người đã làm hai dân tộc Tày, Nùng ở Bắc Kạn dễ dàng kết hợp với nhau trong lao động sản xuất và sinh hoạt, tạo nên những nét đặc thù trong sản xuất kinh tế trên toàn bộ khu vực cư trú.

Tuy trang phục phụ nữ Tày, Nùng có những điểm khác nhau về tộc người, các nhóm địa phương, song ở họ đã có không ít những điểm chung giống nhau. Điểm chung nhất là trang phục nữ với chất liệu vải nhuộm chàm, kín đáo, thắt lưng quấn quanh eo bỏ mỗi đưng đưa phía sau áo dài năm thân hầu như không thấy ở dân tộc khác.

Nhà ở và cách ăn uống của người Tày, Nùng cơ bản giống nhau, đặc biệt là văn hoá ẩm thực mang tính thống nhất đậm nét đã góp phần làm tăng thêm mối quan hệ gần gũi, hoà hợp giữa hai dân tộc.

Trên lĩnh vực sinh hoạt văn hoá tinh thần của hai dân tộc cũng bộc lộ rõ tính tộc người, thể hiện trong những ngày tết, các lễ nghi trong gia đình và theo vòng đời như hệ thống Mo, Then, Tào, Pụt của dân tộc này có thể hành lễ cho dân tộc kia, hoặc người Tày, Nùng cùng thờ chung đình, miếu... Ở một số gia đình người Nùng Phán Sinh ở xã Xuân Dương và Dương Sơn (Na Rì) thờ Phật bà Quan Âm trong nhà, bàn thờ thường được đặt trên một chiếc khăn kín đáo, ở phía trên bàn thờ tổ

tiên, điều này không hề tìm thấy trong các gia đình người Tày.

Ở Bắc Kạn cả hai dân tộc Tày và Nùng đều không có tập quán cúng giỗ. Nhưng khác với người Tày, người Nùng lại tổ chức lễ sinh nhật mỗi năm một lần khi gia chủ ngoài 50 tuổi trở lên có đủ cháu nội, cháu ngoại để thay cho việc cúng giỗ sau này.

Về mặt ngôn ngữ do hoàn cảnh giao tiếp đòi hỏi, tiếng Tày và tiếng Nùng ngày càng xích lại gần nhau, bổ xung những yếu tố khác biệt cho nhau làm cho người Tày và người Nùng nếu sống gần nhau thì còn dễ hiểu lời ăn tiếng nói của nhau hơn là người Nùng ở cách xa nhau. Sự tương đồng về ngôn ngữ đã dẫn đến sự tương đồng về văn học, biểu hiện ở những câu ca dao, tục ngữ, nhiều truyện dân gian, hát ru và nhiều lĩnh vực văn hoá dân gian khác cũng mang đặc điểm chung của hai dân tộc Tày, Nùng. Ví dụ: Truyền thuyết Tài Ngào, sự tích hồ Ba Bể, sự tích núi Bạc ở Ngân Sơn.

Những đặc điểm chung trên nhiều mặt của đời sống kinh tế – vật chất và văn hoá tinh thần, đã làm cho mối quan hệ giữa hai dân tộc Tày, Nùng ngày càng bền chặt hơn, trên cơ sở của những cuộc hôn nhân hỗn hợp đã và đang phát triển giữa hai tộc người. Quá trình giao thoa văn hoá, từ thế hệ này sang thế hệ khác của cư dân Nùng đã chịu ảnh hưởng sâu sắc và toàn diện của người Tày, nhà nghiên cứu Dân tộc học Đặng Nghiêm Vạn gọi đó là “Quan hệ văn hoá sinh đôi, khiến cho nhiều hiện tượng văn hoá khó xác định đâu là của người Tày, đâu là của người Nùng” [03, 14]. Một đặc điểm nữa về quan hệ của người Nùng khác với người Tày ở chỗ nếu anh chị em cùng thế hệ, ai "nhìn thấy mặt trời trước" thì được gọi là anh là chị, không kể con chú, con bác. Cách xưng hô này giống với người Hoa, người Dao.

### **Sự giao thoa giữa văn hoá người Tày và người Kinh**

Người Kinh lên Bắc Kạn từ thời Lê Sơ - thế kỷ XV, bởi chính sách "Phiên thần", tiếp đến là chính sách "lưu quan" của triều Nguyễn. Triều đình đã cử những viên quan trung thành

lên miền núi biên giới làm nhiệm vụ trấn áp biên cương. Sau đó, là các đợt di dân tự phát từ miền xuôi lên miền núi vì những lý do kinh tế, chính trị... Họ đã đem theo phương thức, kinh nghiệm sản xuất của cư dân vùng đồng bằng Bắc Bộ lên Bắc Kạn. Tuy nhiên, các yếu tố văn hóa đó được chuyển tải trên tinh thần hết sức tôn trọng cái đã có - tức là tôn trọng nền văn hóa cư dân bản địa để từ đó mà hòa nhập, cố kết. Tiêu biểu cho vấn đề này là đền Phja Đeng thuộc xã Cường Lợi huyện Na Rì, vốn lúc đầu thờ Nùng Trí Cao nhưng sau đó được thờ thêm Vua Đinh Tiên Hoàng. Trong quá trình sống xen cư với các tộc người khác, đặc biệt là với cộng đồng người Tày, giữa hai dân tộc đã có sự giao thoa tiếp biến về đời sống vật chất và văn hóa tinh thần. Sự giao thoa tiếp biến ấy thể hiện rõ nét nhất trong ngôn ngữ: Tiếng Kinh - tiếng phổ thông cùng với tiếng Tày đã trở thành phương giao tiếp trong đời sống xã hội. Tiếng Kinh hiện diện khắp nơi từ công sở Nhà nước, trường học vùng cao, vùng sâu, vùng xa, đến các chợ phiên trong vùng, nhưng tiếng Kinh ở vùng cao Bắc Kạn đã bị mất dấu ngã trong thanh sắc của mình, bởi tiếng nói của người vùng cao chỉ mang trên mình 5 dấu là thanh bằng, thanh sắc, nặng, hỏi. Dấu (~) trong cách phát âm của đồng bào đã biến thành dấu nặng (.) hoặc dấu ( ' ) [04, 276].

Trên lĩnh vực ngôn ngữ, xét về nguồn gốc thì từ vựng trong tiếng Tày gồm những từ gốc Tày và những từ vay mượn các ngôn ngữ khác. Để biểu thị các khái niệm xã hội, chính trị, pháp lý, khoa học - kỹ thuật, người Tày phải mượn thêm nhiều từ tiếng Việt như xã hội chủ nghĩa, tàu xe, uỷ ban, vô tuyến... Ngược lại, trong quá trình tiếp xúc, tiếng Tày cũng tác động trở lại đối với Tiếng Việt; các từ Sli, Lượn, Lồng Tồng, Bản, Mác (quả)... được nhập vào kho từ vựng Tiếng Việt và được nhiều dân tộc trong cả nước quen dùng, nhất là các từ chỉ vật nuôi và cây trồng...

Quá trình giao lưu ngôn ngữ cũng được thể hiện trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, đặc biệt là trong lễ lối hát dân gian. Với những giai điệu chậm, tình cảm, cùng những âm hừ, là, ơ, a, hư, ha, oi trong các sli lượn gọi cho

chúng ta liên tưởng tới mối quan hệ giữa dân ca trữ tình của người Tày với dân ca quan họ Bắc Ninh, hò sông Mã (Thanh Hoá), hát xoan (Vĩnh Phú)... đều là những loại hình đối đáp nam nữ.

Về mặt tín ngưỡng, người Tày chỉ có miếu thờ thổ công, song do quá trình tiếp xúc văn hoá, hiện tại trên khắp địa bàn tỉnh Bắc Kạn còn tồn tại những phế tích hay di tích của các ngôi chùa, ngôi đình thờ phật. Riêng quanh thị xã Bắc Kạn đã có 3 địa danh mang những yếu tố trên là Nà Đình (bản Nà Ổi - xã Dương Quang), Nà Cốc (phường Nguyễn Thị Minh Khai) và Phù Chùa (phường Sông Cầu). Nhưng ngày nay chỉ còn sót lại một chút di tích ở đền Phù Chùa, hai diềm trên kể cả phế tích cũng không còn. Bên cạnh các ngôi đình, chùa kể trên, hiện nay trên địa bàn tỉnh còn như (chùa Thạch Long - xã Hoà Mục), đền An Mạ (xã Nam Mẫu - huyện Ba Bể) thờ vị tướng thời nhà Mạc và đặc biệt Đền Mẫu thị xã Bắc Kạn, là những ngôi đền mới được đầu tư tu bổ để đón khách thập phương, đồng thời cũng là nơi sinh hoạt tín ngưỡng của các tộc người Tày, Nùng, Kinh... Trong lễ hội Lồng Tồng ở Phủ Thông, hội Xuân Ba Bể... đều có sự cộng hưởng văn hóa giữa các trò chơi dân gian của các tộc người: đánh đu (người Kinh), tung còn (người Tày), múa sư tử (người Nùng, người Hoa)...

Sự tiếp biến văn hóa ứng xử thể hiện rõ nét trong tục sinh đẻ và nuôi con. Người Kinh nói chung không kiêng cử người lạ khi trong nhà có bà đẻ nhưng cũng rất sợ "ma gà" vào thăm sản phụ và trẻ sơ sinh. Sản phụ người Kinh cũng rất thích tắm các loại nước lá cây và một số điều kiêng khem trong ăn uống sinh hoạt tương tự như người Tày.

Văn hoá vật chất cũng phản ánh rất rõ quan hệ văn hoá Tày - Kinh. Ngày Tết không nhà nào không gói bánh chưng. Tài liệu phong tục học hoàn toàn xác nhận bánh chưng là sản phẩm độc đáo của người Kinh. Người Tày cũng gói bánh vuông nhưng họ vẫn gọi bánh đó là của người Kinh, người Tày thường gói loại bánh tròn dài. Đồng bào Kinh ở Bắc Kạn cũng thích gói bánh chưng Tày, ăn bánh tro,

bánh dợm độn của chuối rừng, cơm lam, thịt nướng, tương tàu. Bên cạnh đó, người Kinh còn tiếp thu hệ thống các lễ tết trong năm của người Tày, cùng các lễ vật theo từng tết như cúng bánh ngải, xôi cầm vào tết thanh Minh, ăn thịt vịt vào rằm tháng bảy chứ không chỉ cúng đĩa xôi, con gà như người Kinh ở dưới đồng bằng. Chiếc khăn vuông của người phụ nữ Việt và phụ nữ Tày giống nhau về hình dáng, cách mang. Dấu ấn của văn hoá người Kinh còn biểu hiện trong y phục của người Tày. Đó là chiếc áo dài năm thân của nam giới và chiếc áo cánh bốn thân của nữ giới, về kiểu dáng cơ bản giống áo dài, áo cánh của người Kinh. Sự khác biệt có lẽ chỉ ở màu sắc, trang trí của áo mà thôi. Qua một số nét tương đồng trong văn hoá vật chất cũng thấy được mối quan hệ đan xen, chằng chéo, nếu như lấy bất cứ một hiện tượng văn hoá nào của người Việt ta cũng thấy có yếu tố ảnh hưởng lẫn nhau ở nhiều cấp độ.

Trong quá trình đồng cam cộng khổ với cư dân bản địa họ đã "Kinh già hóa Thổ", tự nguyện hòa nhập với cộng đồng người Tày địa phương. Đây là điều nhân lõi trong truyền thống đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tạo nên sức trường tồn cho một dân tộc Việt Nam bất tử. Giao lưu văn hoá với dân tộc Kinh, người Tày không chỉ tiếp nhận mà còn ảnh hưởng trở lại đối với đời sống văn hoá của người Kinh, một số hộ gia đình người Kinh trong việc tang ma, cúng giỗ, làm lễ cầu an, giải hạn... đôi khi đã mời đến các thầy Tào, Mo, Then người Tày. Người Kinh tiếp thu văn hoá của người Tày và ngược lại người Tày cũng không ngừng hấp thụ các truyền thống văn hoá tốt đẹp của người Kinh, làm cho văn hoá của mình thêm phong phú, ví dụ đồng bào Tày lác đác một số gia đình thời gian mấy năm trở lại đây đã, đang xuất hiện tục cúng giỗ cha mẹ vào ngày mất hàng năm. Ngày nay trong điều kiện vật chất đã có nhiều thay đổi, mối quan hệ giao lưu văn hoá giữa người Tày và người Kinh càng diễn ra mạnh mẽ hơn, xu hướng cố kết thống nhất về văn hoá giữa người Tày với người Kinh và các dân tộc anh em là tất yếu.

## KẾT LUẬN

Quá trình giao lưu văn hóa giữa các dân tộc như một quy luật đang diễn ra với tốc độ ngày càng tăng. Vì vậy, bằng chính sách dân tộc đúng đắn, với ba nguyên tắc: Bình đẳng - đoàn kết - tương trợ, Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chính sách, chủ trương, biện pháp để nâng cao đời sống mọi mặt của các dân tộc, đưa các dân tộc tiến lên xây dựng cuộc sống mới. Mặt khác, không những gìn giữ bản sắc văn hóa mà còn làm giàu tinh hoa văn hóa của từng tộc người trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Giải quyết hài hòa, tốt đẹp mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, giữa thống nhất và đa dạng, giữa dân tộc, quốc gia và quốc tế.

Lê Nin đã từng nói rằng: "Giai cấp mất đi, nhưng dân tộc còn tồn tại trong một thời gian lâu, rất lâu nữa, chừng nào dân tộc còn tồn tại thì chừng ấy mối quan hệ giữa các dân tộc còn là vấn đề chúng ta phải quan tâm thường xuyên" [01, 637]. Điều có thể nói ở đây là mối quan hệ giữa các dân tộc là lĩnh vực đụng chạm hàng ngày, là lĩnh vực hết sức nhạy cảm trong đời sống dân tộc. Mọi sơ xuất của ta dễ bị địch lợi dụng, thổi phồng, khoét sâu. Cho nên một vấn đề cực kỳ quan trọng ở đây là lòng tin, là sự tin cậy, Đảng tin vào các dân tộc, các dân tộc tin vào Đảng. Dân tộc đa số tin vào các dân tộc ít người và ngược lại.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phan Hữu Dật (1999), Một số vấn đề về dân tộc học Việt Nam, NXB ĐHQG, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Văn Huy, Góp phần nghiên cứu sự phát triển mối quan hệ giữa các dân tộc, Tạp chí Dân tộc học số 1, 1983.
- [3]. Đặng Nghiêm Vạn (1973), Quan hệ giữa các dân tộc người trong một quốc gia dân tộc - NXB Chính trị QG, Hà Nội.
- [4]. Hà Văn Viễn, Lương Văn Bảo, Lâm Xuân Đình, Triệu Kim Văn, bàn Tuấn Năng, Đàm Thị Uyên, Hoàng Ngọc Lan (2004); Bản sắc và truyền thống văn hóa các dân tộc tỉnh Bắc Kạn, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [5]. Tài liệu điền dã: Ông Hà Văn Cấp, 73 tuổi huyện Chợ Đồn - Bắc Kạn; Ông Nông Văn Hội, 57 tuổi huyện Chợ Mới - Bắc Kạn.

## SUMMARY

**INTERFERENCE CULTURAL BETWEEN TRIBES TAY'S, NUNG'S, KINH'S  
IN BAC KAN PROVINCE****Luong Thi Hanh\****College of Sciences- Thai Nguyen University*

The coexistence and the cultural exchanges between Tay people with Nung people and Kinh people in Bac Kan Province is a historical truth. This process of contact has taken place for at least thousands of years. In this contact, there have been mutual interactions between Tay people and the people of other ethnic groups. The history of the civilized humankind shows that cultural exchanges always take place on many dimensions. There are not any ethnic groups that only give and that do not take in order to develop their culture. However, ethnologically, although the culture of the Tay is influenced by the culture of Vietnamese people, Chinese people and other peoples, the characters of the Tay is the most important factor. The culture of the Tay is always the most important factor that creates the specific characteristics of the Tay people.

**Key words:** *Cultural interference; Cultural Character; Orient Culture; Popular Culture; History; Nation; Area of residence...*

---

\* Tel: 0914 892 99, Email: hanhluongthi4@gmail.com